

PHIẾU KẾT CA - PROTEA GARDEN

Mã phiếu: 445 | Ngày: 30/07/2026 22:11

Thông tin ca làm việc

Người tạo: Kiều Quốc Kiệt

Doanh thu: 1.000.000 đ

Tiền mặt: 695.000 đ

Chuyển khoản Tingbox: 305.000 đ

Tiền cơm phần: 0 đ

Tiền ve chai: 0 đ

Tiền xe hơi: 0 đ

Nguyên vật liệu cuối ca

STT	Tên	Tồn thực tế	Cần bổ sung	Bổ sung thực tế	Ghi chú
1	Bánh Orio	6.00 Cái	0.54 Cây	0.00 Cây	Bổ sung thực tế cuối ca
2	Bột Cacao	495.00 gram	0.01 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
3	Bột Đá Xay	369.00 gram	0.63 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
4	Bột Milk Foam	473.00 gram	0.53 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
5	Bơ Đậu Phộng	154.00 gram	0.23 hủ	0.00 hủ	Bổ sung thực tế cuối ca
6	Cà Phê	526.00 gram	1.47 túi	0.00 túi	Bổ sung thực tế cuối ca
7	Đào Ngâm	1139.00 gram	0.00 Hộp	0.00 Hộp	Bổ sung thực tế cuối ca
8	Mút đào	539.00 gram	0.00 chai	0.00 chai	Bổ sung thực tế cuối ca

STT	Tên	Tồn thực tế	Cần bổ sung	Bổ sung thực tế	Ghi chú
9	Hồng Trà	662.00 gram	0.00 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
10	Soda	3.00 lon	9.00 Lon	0.00 Lon	Bổ sung thực tế cuối ca
11	Syrup Bạc Hà	411.00 ml	0.21 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
12	Syrup Lựu Đỏ	214.00 ml	0.69 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
13	Mứt Chanh Dây	913.00 ml	0.00 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
14	Mứt Kiwi	928.00 ml	0.00 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
15	Mứt Mãng Cầu	662.00 ml	0.00 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
16	Mứt Việt Quất	437.00 ml	0.00 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
17	Mứt Xoài	723.00 ml	0.00 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
18	Sữa Tươi Không Đường	686.00 ml	2.31 Hộp	1.00 Hộp	Bổ sung thực tế cuối ca
19	Syrup Curacao	930.00 ml	0.00 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
20	Syrup Đào	117.00 ml	0.88 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
21	Mứt ổi hồng	949.00 gram	0.00 chai	0.00 chai	Bổ sung thực tế cuối ca
22	Trà Ô Long	674.00 gram	0.00 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca

STT	Tên	Tồn thực tế	Cần bổ sung	Bổ sung thực tế	Ghi chú
23	Nước suối	21.00 chai	0.00 chai	0.00 chai	Bổ sung thực tế cuối ca
24	Trà Ô Long Đào	648.00 gram	0.00 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
25	Trân Châu 3Q Ngọc Trai	1560.00 gram	0.22 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
26	Sốt Matcha	248.00 ml	0.61 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
27	Sốt Caramel	13.00 ml	0.98 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
28	Sốt Chocolate	341.00 ml	0.46 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
29	Syrup Táo	729.00 ml	0.00 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
30	Bột Kem Muối	248.00 ml	0.00 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
31	Bia Heineken bạc	11.00 Lon	0.00 Lon	0.00 Lon	Bổ sung thực tế cuối ca
32	Bia Heineken xanh	19.00 Lon	0.00 lon	0.00 lon	Bổ sung thực tế cuối ca
33	Cam	1987.00 gram	1.01 Kg	0.00 Kg	Bổ sung thực tế cuối ca
34	Cà Rốt	3002.00 gram	0.00 Kg	0.00 Kg	Bổ sung thực tế cuối ca
35	Chanh vàng	416.00 gram	0.00 gram	0.00 gram	Bổ sung thực tế cuối ca
36	Coca Cola	27.00 lon	0.00 lon	0.00 lon	Bổ sung thực tế cuối ca

STT	Tên	Tồn thực tế	Cần bổ sung	Bổ sung thực tế	Ghi chú
37	Dưa Hấu	1985.00	0.00 Trái	0.00 Trái	Bổ sung thực tế cuối ca
38	Pepsi	21.00 lon	0.00 lon	0.00 lon	Bổ sung thực tế cuối ca
39	Trà dưỡng tâm	3.00 Gói	7.00 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
40	Trà dưỡng nhan	7.00 Gói	3.00 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
41	Vải Ngâm	12.00 Trái	0.00 Trái	14.00 Trái	Bổ sung thực tế cuối ca
42	Đậu Phộng Tỏi Ớt	36.00 Gói	0.00 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
43	Đậu Phộng Tôm - Rong Biển	30.00 Gói	0.00 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
44	Hướng Dương	5.00 Gói	0.00 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
45	Bột Matcha	656.00 gram	0.00 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
46	Trà lài	650.00 Gram	0.00 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
47	Rich lùn	474.00 ml	0.00 hộp	1.00 hộp	Bổ sung thực tế cuối ca
48	Yaourt	17.00 Hũ	0.00 Hũ	0.00 Hũ	Bổ sung thực tế cuối ca
49	Bánh dad	7.00 Gói	0.00 Bịch	0.00 Bịch	Bổ sung thực tế cuối ca
50	Cốt chanh	447.00 Gram	0.00 Gram	0.00 Gram	Bổ sung thực tế cuối ca

STT	Tên	Tồn thực tế	Cần bổ sung	Bổ sung thực tế	Ghi chú
51	Mứt hạt dẻ cười	819.00 Gram	0.00 Gr	0.00 Gr	Bổ sung thực tế cuối ca
52	Sốt caramel muối	136.00 Gr	0.00 Gram	0.00 Gram	Bổ sung thực tế cuối ca
53	Syrup Atiso	858.00 Gram	0.00 Gram	0.00 Gram	Bổ sung thực tế cuối ca
54	Syrup Bí đao	1287.00 Gr	0.00 Gr	0.00 Gr	Bổ sung thực tế cuối ca
55	Syrup vải	285.00 Gram	0.00 Gram	0.00 Gram	Bổ sung thực tế cuối ca
56	Syrup hazelnut	515.00 Gram	0.00 Gram	0.00 Gram	Bổ sung thực tế cuối ca
57	Syrup hoa hồng	1169.00 Gram	0.00 Gram	0.00 Gram	Bổ sung thực tế cuối ca
58	Syrup trà xanh	794.00 Gram	0.00 Gram	0.00 Gram	Bổ sung thực tế cuối ca
59	Syrup vanilla	289.00 Gram	0.00 Gram	0.00 Gram	Bổ sung thực tế cuối ca
60	Tiger Bạc	3.00 Lon	0.00 Lon	0.00 Lon	Bổ sung thực tế cuối ca

Người lập phiếu

.....

Người duyệt

.....